

TƯ TƯỞNG THẨM MỸ NHÂN VĂN TRONG HỘI HỌA QUA CÁC CÂU CHUYỆN KINH THÁNH

Trần Minh Nhựt

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Trong những thế kỷ đầu, con người xem mọi sự vật trong tự nhiên mang tính chất thần thánh. Chủ nghĩa nhân văn được đặt lên hàng đầu trong các tác phẩm nghệ thuật nói chung và hội họa nói riêng, cốt chỉ để thể hiện khát vọng muốn chinh phục tự nhiên của con người. Nghệ sĩ đã mượn những câu chuyện hay những nhân vật trong Kinh Thánh để làm chất liệu và nguồn cảm hứng sáng tác. Các tác phẩm hội họa kể về những nhân vật trong Kinh Thánh đều xuất phát từ trí tưởng tượng của nghệ sĩ, vì thế mỗi một bức họa về đề tài Thánh mang mỗi nét riêng biệt trong cách diễn tả nhân vật sao cho phù hợp với mỗi nền văn hóa ở cả Đông và Tây.

Từ khóa: *thẩm mỹ học, nhân văn, hội họa, thần thoại, tôn giáo.*

1. MỞ ĐẦU

Trải qua nhiều thế kỷ lịch sử của nhân loại, con người không ngừng tìm kiếm “Cái đẹp” và luôn đấu tranh vì nó, cái đẹp hiện hữu trong xã hội, trong thiên nhiên, ở nơi con người, trong những sản phẩm thiết kế hay trong nghệ thuật và thơ ca [1]. Với những đau thương thống khổ của con người, cái đẹp như một đóa hoa vươn lên giữa bùn lầy tối tăm, như một liều thuốc bổ cho những ai đang đi trên con đường tìm kiếm hạnh phúc đích thực.

Từ xưa đến nay, nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng luôn hướng con người đến Chân - Thiện - Mỹ [1], với khát vọng giúp cho đời sống con người ngày một tốt đẹp hơn. Bên cạnh “luận lý học” là khoa học về cái “chân”, “đạo

đức học” là khoa học về cái “thiện” thì “thẩm mỹ học” chính là khoa học về cái “đẹp”; hay nói một cách ngắn gọn: “Thẩm mỹ học” là cái đẹp. Nhân loại từ xưa đã luôn biết mượn nội dung của thần thoại, tôn giáo để đưa vào nghệ thuật dưới ngôn ngữ hình ảnh là “con người”. Dù người ta dành cái đẹp cho các vị thần, nhưng những vị thần ấy cũng chỉ là những hình ảnh mô phỏng con người trần thế; thần thoại hay tôn giáo cuối cùng cũng vì con người. Từ đó hình thành nên tư tưởng thẩm mỹ nhân văn xuyên suốt qua các thế hệ, dù ở phương Đông hay phương Tây, tư tưởng đó đã thấm nhuần vào trong tâm trí của con người qua nhiều thế kỷ. Nghệ sĩ mọi thời đại đã đấu tranh không mệt mỏi vì một nền thẩm mỹ nhân văn chủ nghĩa cao cả đó.

Tác giả liên hệ: ThS. Trần Minh Nhựt

Email: nhuttm2@hiu.vn

2. NHỮNG VẤN ĐỀ LỊCH SỬ CỦA TƯ TƯỞNG THẨM MỸ NHÂN VĂN

2.1. Sự hình thành tư tưởng thẩm mỹ nhân văn

Ở phương Tây, từ thời Cổ đại đã hình thành tư tưởng thẩm mỹ nhân văn, họ đưa con người trần tục vào trong nghệ thuật. Ở thời kỳ này, nền văn minh Cổ Hy Lạp - La Mã được gọi là Cổ đại cổ điển nở rộ ở châu Âu, với sự chùng lên nhau giữa hai nền văn minh Hy Lạp cổ đại và La Mã cổ đại. Hai nền văn minh này đã ảnh hưởng rộng lớn từ châu Âu, đến Bắc Phi rồi sang tận vùng Trung Đông.

Từ ngay thời kỳ đầu của tư tưởng thẩm mỹ nhân văn, khi ngành khoa học kỹ thuật chưa phát triển, con người coi tự nhiên mang tính chất thần thánh. Xuất phát từ tư duy của con người, xem con người là chủ thể của thiên nhiên. Từ đó, câu chuyện của các vị thần được hình thành, các vị thần dần trở thành đỉnh cao của cái đẹp. Kho tàng thần thoại Hy Lạp và Ấn Độ là những kho tàng lớn nhất thế giới, các công trình kiến trúc, đền đài được xây dựng để thờ các vị thần, được con người “mỹ thuật hóa” tạo ra một thế giới kỳ vĩ và thần thánh. Qua những công trình mà con người tạo nên phần nào đã thể hiện được năng lực, khát vọng muốn chinh phục tự nhiên trong vũ trụ bao la này [2].

2.2. Từ thần thoại đến tôn giáo

Nếu như thần thoại miêu tả những hiện tượng đẹp đẽ, kỳ vĩ của thiên nhiên hay vẻ đẹp của con người, thì tôn giáo lại đem đến những giá trị nhân văn sâu sắc. Tôn giáo cũng là một cơ may để con người thể hiện những khả năng mỹ thuật thiên bẩm của mình. Trong đó, các câu chuyện Kinh Thánh luôn là nguồn cảm hứng vô tận giúp các nghệ sĩ thổi hồn vào tác phẩm nghệ thuật. Mỗi một câu chuyện nói lên những ý nghĩa thiêng liêng, đồng thời cũng mang tính

chất giáo dục con người qua các nhân vật Kinh Thánh tiêu biểu.

Với những biến động về mặt tôn giáo mà Giáo hội Công giáo phải đối mặt, các đề tài Công giáo đã trở nên nóng hổi và trở thành chủ đề chính yếu cho nghệ thuật lúc bấy giờ. Các nghệ sĩ vay mượn hình ảnh các nhân vật trong Kinh Thánh để đưa vào nghệ thuật với mục đích đề cao nhân tính, ca ngợi vẻ đẹp đạo đức nhân sinh và coi chủ nghĩa nhân văn như một tôn giáo thay thế của nhân loại, tập trung chủ yếu vào con người.

2.3. Chủ nghĩa nhân văn đối với tôn giáo

Khoảng thế kỷ XIV, một trào lưu tư tưởng độc đáo được hình thành trong Giáo hội phương Tây, chịu ảnh hưởng sâu xa của thời Trung Cổ đặc biệt hướng về giá trị của con người, trào lưu tư tưởng đó có tên là “chủ nghĩa nhân văn”. “Chủ nghĩa nhân văn” hay “chủ nghĩa nhân đạo” luôn gắn liền với đời sống trần tục của con người, chú trọng đến khả năng tự quyết định của loài người, bác bỏ tín ngưỡng, cái siêu nhiên hoặc những văn bản được xem là thiên khả. Từ đó hình thành nên khái niệm “chủ nghĩa nhân đạo” (Humanism) là một thái độ tư duy mà tầm quan trọng hàng đầu là đối với con người, là phản ứng chống lại chủ nghĩa độc đoán tôn giáo của Công giáo thời Trung Cổ, nó nhấn mạnh nhân phẩm, vẻ đẹp và tiềm năng của con người và ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của văn hóa châu Âu, bao gồm triết học, âm nhạc và nghệ thuật [2].

Sự nhấn mạnh chủ nghĩa nhân đạo lên giá trị và tầm quan trọng của cá nhân đã ảnh hưởng đến cải cách Tin Lành, mang lại sự thay đổi xã hội và chính trị ở châu Âu thời kỳ Phục Hưng (thế kỷ XV-XVII). Giáo hội Công giáo đã chứng kiến cuộc chiến giữa “thần quyền” và “thế quyền” trong khi quyền bính nằm trong tay Đức Giáo Hoàng. Cho đến năm 1870, Giáo Hoàng vẫn

được coi như là vị vua của các nước Tòa Thánh, không phải chỉ là một nước Vatican ngày nay. Thời kỳ Phục Hưng đã tái sinh các giá trị nghệ thuật, tư tưởng, khoa học của thời kỳ Cổ đại. Xã hội thời Phục Hưng với “chủ nghĩa nhân đạo” đề cao tự do cá nhân, đề cao giá trị con người, chính trị càng thiên về dân chủ [3].

3. TƯ TƯỞNG THẨM MỸ NHÂN VĂN TRONG HỘI HỌA

3.1. Đặc điểm hội họa thời Phục Hưng

“Hùng vĩ”, “tráng lệ” và “màu sắc”, “ý nghĩa” và “tình cảm” là những từ khóa để diễn tả cho mỹ thuật thời kỳ Phục Hưng Ý. Nghệ thuật thời kỳ này không quá chú trọng vào ý nghĩa trang nghiêm và cao thượng, mà nó kêu gọi tình cảm và làm thỏa mãn tâm hồn nghệ thuật bằng những nét tài nghệ có màu sắc trần tục. Cuộc tấn công của Thổ Nhĩ Kỳ vào bán đảo Balkan và sự sụp đổ của Đế quốc Byzantin (năm 1453) bắt buộc nhiều nhà thông thái Hy Lạp phải chạy sang Tây phương tị nạn. Nhờ đó, chủ nghĩa nhân bản dần dần trở thành môi trường hoạt động của hầu hết các nhà tri thức ở nước Ý.

Nền hội họa nước Ý tiến bộ nhanh chóng từ thế kỷ XIV, lối vẽ “lý tưởng hóa” (idéalisation) dần được thay thế bằng lối vẽ “tả chân” (réaliste), nghĩa là miêu tả sự vật đúng với thiên nhiên, đúng với cảm nghĩ của con người. Lối vẽ “tả chân” lấy con người làm trung tâm qua cách tả thực đúng với bản chất và tính cách của từng nhân vật [3].

3.2. Phân tích tư tưởng thẩm mỹ nhân văn trong hội họa qua tác giả, tác phẩm tiêu biểu

3.2.1. Tác giả Giotto di Bondone (1266 - 1337) và bức tranh “Cái hôn của Giuđa”

Giotto di Bondone là một trong những người mở lối cho ngành hội họa mới, khép lại mười mấy thế kỷ đêm trường Trung Cổ, mở đầu cho

thời đại Phục Hưng, đồng thời ông cũng tập trung khai thác mạnh mẽ các câu chuyện Kinh Thánh vào trong hội họa. Giotto đã chỉ ra làm thế nào để thị kiến nghệ thuật có thể bao hàm chủ nghĩa nhân văn mới mẻ và cả chủ nghĩa cổ điển [4].

Ông có nhiều tác phẩm về đề tài tôn giáo, nhưng nổi tiếng nhất, phải kể đến *Cái hôn của Giuđa* là bức bích họa vẽ trong đền Arena. Tác phẩm diễn tả sự lộn xộn của đám đông lính vây quanh, mỗi người một nét mặt, cử chỉ khác nhau. Bức họa với bối cảnh xa gần khiến bố cục tranh mang nhiều nét thực hơn. Nổi bật nhất là nhân vật Giuđa Ítcariốt ngay trung tâm bức họa với những cử chỉ, hành động thân mật với Chúa Giêsu.



Hình 1. Giotto di Bondone (1266 - 1337), “Cái hôn của Giuđa”, 1305 - 1306, khổ 185 x 200 cm

Theo Tân Ước, Giuđa Ítcariốt là một trong mười hai tông đồ đầu tiên của Chúa Giêsu, là con trai của ông Simon. Giuđa được biết đến nhiều với vai trò là kẻ phản bội, bán Chúa Giêsu cho những thượng tế Do Thái với 30 đồng bạc [5]. Nhân vật Giuđa vẫn là nhân vật gây tranh cãi nhiều nhất trong lịch sử Kitô giáo, sự kiện đó được coi là mấu chốt dẫn đến cái chết của Chúa Giêsu trên Thập Tự Giá. Kẻ phản bội Giuđa Ítcariốt đã

được Giotto miêu tả một cách chân thực qua lớp áo màu vàng sáng như thể nuốt chửng Chúa Giêsu, các nếp áo được diễn tả sống động như đang giằng xé nội tâm, đằng sau tà áo đẹp đẽ ấy là một nội tâm xấu xa, phản trắc của kẻ phản bội. Với sự tương phản mang tính chất tượng trưng sâu sắc đó, lớp áo vàng của Giuđa nổi lên rực rỡ ngay trung tâm bức tranh, ánh sáng tập trung trên tà áo của hắn ta, nhờ vậy mà sự phản bội đã được thể hiện một cách rõ nét hơn.

Điều này phản ánh một xã hội loài người từ cổ chí kim luôn chìm trong sự ích kỷ, xảo quyệt chỉ vì những đồng tiền mà con người trao đổi cho nhau. Trong bất cứ một xã hội nào, thời đại nào cũng luôn tồn tại cái xấu xa ẩn giấu trong vẻ bề ngoài đẹp đẽ mà con người thường vô tình mắc bẫy. Ngược lại với hình ảnh của kẻ phản bội là sự nhân từ của Chúa Giêsu khi nhìn thấy ánh mắt nhạo báng của kẻ phản bội. Trích theo Phúc Âm Luca: “Người còn đang nói, bỗng một đám đông kéo đến, dẫn đầu là Giuđa, một trong mười hai sứ đồ. Hắn lại gần Chúa Giêsu mà hôn Người. Nhưng Đức Giêsu bảo: “Giuđa ơi, con phản bội Con Người bằng cái hôn sao?” [5]. Với câu hỏi đó, Chúa Giêsu đã bộc lộ rõ bản tính nhân từ của Ngài dành cho kẻ đã phản bội mình, một câu hỏi rất nhẹ nhàng nhưng đầy tính chất rắn đẽ. Kết hợp bằng việc diễn tả khuôn mặt của Chúa Giêsu, Giotto đã đưa người xem chìm sâu vào ánh mắt của Ngài khi đang nhìn thẳng vào gương mặt tráo trở của tên Giuđa. Ánh mắt đầy tính nhân đạo như thể Chúa Giêsu đã biết trước sự việc và đã tha thứ cho tên phản bội trước khi hắn làm điều gian ác.

Cả thân người của Chúa Giêsu chìm trong tà áo của Giuđa hòa với chủ nghĩa nhân văn rất đặc trưng mà Giotto đặt vào bức họa đã khiến hình ảnh Chúa Giêsu trở thành trung tâm của cái thiện. Bức họa là sự phân tranh giữa cái thiện và cái ác, nhưng rồi cuối cùng cái thiện luôn chinh

phục được cái ác bằng lòng yêu thương, tha thứ và nhẫn nhục. Trong các họa phẩm của Giotto, ông luôn coi khuôn mặt là phần quan trọng hơn cả, vì nó là tâm điểm của tự nhiên, là điểm bày tỏ tính cách con người, tính nhân văn được ông áp dụng một cách hiệu quả bằng chính đôi tay của mình.

3.2.2. Tác giả Albrecht Dürer (1471- 1528) và bức tranh “Adam và Eva”

Bên cạnh “bộ ba tài năng” Leonardo da Vinci, Michelangelo và Raphael của phong trào Phục Hưng Ý (Italian Renaissance), thì Phục Hưng phương Bắc (Northern Renaissance) đã để lại những tên tuổi sáng chói, trong đó phải kể đến Albrecht Dürer (1471- 1528) ở Đức là một nhà nghệ thuật lớn trong thời kỳ của chủ nghĩa nhân đạo. Bức tranh *Adam và Eva* của ông nổi tiếng với những vẻ đẹp ẩn dụ uyên thâm, ý nghĩa kín đáo sâu xa trong bối cảnh khu vườn địa đàng xinh đẹp với các hình tượng động vật xung quanh. Sự sa ngã của tổ tông loài người Adam và Eva là một sự lý giải cội nguồn của văn hóa, là nguồn suối vô tận của nghệ thuật và là điểm xuất phát của các ý tưởng icon nghệ thuật.



Hình 2. Albrecht Dürer (1471 - 1528),
“Adam và Eva”, 1504

Sự hài hòa giữa con người với vũ trụ tạo thành, con người giữa vườn Eden như trong một ốc đảo giữa sa mạc, đôi vợ chồng thì hợp nhất. Đức Chúa Trời đặt giữa vườn một cây cho biết điều thiện ác, toàn thể thiên nhiên trong một trật tự tốt đẹp, cho đến khi con người nhận ra mình trần tục trong tội lỗi. Trong tranh, Albrecht cũng đặt giữa bức tranh cây phân biệt điều thiện ác làm trung tâm của bố cục. Treo giữa cành cây là hình tượng con rắn đang ngậm trái cấm trong miệng, con rắn xuất hiện ở tâm điểm chính giữa tạo sự cân bằng cho bức tranh. Với bố cục như thế, tác giả như muốn nhấn mạnh rằng cái ác có thể thống trị toàn thể vũ trụ. Bàn tay Eva nhẹ hững lấy trái cấm như sự giằng xé nội tâm giữa sự phục tùng và bất phục tùng Đức Chúa Trời. “Rắn là loài xảo quyệt nhất trong mọi giống vật ngoài đồng, mà Đức Chúa là Thiên Chúa đã làm ra”, con rắn nói với người đàn bà: “Có thật là Thiên Chúa bảo: các ngươi không được ăn hết mọi trái cây trong vườn không?” [5]. Câu hỏi đó đã kích thích sự tò mò của người đàn bà và dẫn người đàn bà đến quyết định làm thay đổi kế hoạch của Đức Chúa.

Cuộc đối thoại tay ba này thật kỳ lạ, người đàn bà thì thèm ăn, mà người đàn ông mới thật sự là thủ phạm? Chi tiết mà Albrecht thể hiện dưới bàn chân phải của người đàn ông đang đạp lên đuôi một con chuột đang tìm cách trốn chạy dưới sự rình mò của con mèo. Chủ nghĩa nhân văn xuất hiện trong một chi tiết nhỏ nằm dưới chân Adam, con chuột đang tháo chạy như chính hình ảnh của Adam đang tìm cách chối bỏ tội lỗi của mình, nhưng Thiên Chúa nào chấp nhận những kiểu chạy tội của người đàn ông hèn yếu đó. Có hai chi tiết nói lên cách mỉa mai nổi thất vọng ê chề của người có tội: mắt ông bà

sẽ mở ra, để thấy mình trần truồng, và ông bà sẽ nên như vị thần biết điều thiện ác, mà họ thì chỉ còn biết có cái ác. Nhưng trước khi phạm tội, cả hai đều trần truồng mà không xấu hổ trước mặt nhau như trong bức tranh đã thể hiện. Hai ông bà đứng cạnh nhìn nhau mà không chút ngượng ngùng, vì đứng trước mặt nhau, thân thể hai người là một vì vợ chồng không lạm dụng những yếu đuối của nhau.

Tuy rằng trong Kinh Thánh chỉ đề cập đến “trái cấm”, nhưng có một số đông người cho rằng “trái cấm” đó có hình dạng trái táo, và hầu hết trong các tác phẩm hội họa “trái cấm” được các họa sĩ mô phỏng giống hình ảnh của trái táo. Hình ảnh trái táo đã xuất hiện dày đặc trong các tác phẩm văn học và nghệ thuật từ thời Cổ Đại. Trong thần thoại Hy Lạp, trái táo là một trong số những loại quả có nhiều hạt thường được dâng cúng cho nữ thần tình yêu và sắc đẹp Aphrodite, nó tượng trưng cho sự phát triển, sự phong phú và sự phì nhiêu. Hay trong câu chuyện về cuộc chiến tranh thành Troy, thần Zeus giao nhiệm vụ cho nữ thần bất hòa Eris phải gây ra một cuộc xung đột giữa người Hy Lạp và người Troy. Trong đám cưới của vua Hy Lạp Peleus và nữ thần biển Thetis, tất cả các vị thần đều được mời đến dự chỉ trừ nữ thần Eris, với sự tự ái, Eris mang đến đám cưới một trái táo có dòng chữ khắc “tặng người đẹp nhất” đã gây ra sự ghen tị giữa ba nữ thần Hera, Athens và Aphrodite [6]. Trong một giai thoại khác, nhà bác học Isaac Newton đã tìm ra lực hấp dẫn khi bị một trái táo rơi trúng đầu tại trang viên Woolsthorpe, Lincolnshire ở nước Anh, từ đó khoa học đã coi trái táo như là loại trái của trí tuệ. Thậm chí, hãng máy tính nổi tiếng Apple cũng lấy biểu tượng quả táo cắn dở làm logo chính của hãng. Như thế, trái táo trong

Kinh Thánh đã trở thành một hình ảnh bất hủ ở mọi thời đại, nó đại diện cho trí tuệ và những khát vọng của con người.

3.2.3. Các tác phẩm về Đức Mẹ Maria

Từ những thế kỷ đầu tiên, Giáo Hội Công Giáo đã tin rằng Đức Mẹ Maria được Thiên Chúa gìn giữ khỏi vết tội lỗi đã ghi dấu trên nhân loại. Sự trong sạch trong tâm hồn của Đức Maria là một vũ khí đánh bại Satan tội lỗi như lời Đức Chúa phán với con rắn: “Ta sẽ gây mối thù giữa mi và người đàn bà, giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy; dòng giống đó sẽ đánh vào đầu mi, và mi sẽ cắn vào gót nó.” [5].

Đức Mẹ Maria đã trở thành một đề tài phổ quát xuyên suốt lịch sử tư tưởng thẩm mỹ nhân đạo trên thế giới. Mỗi một vùng miền hay rộng hơn là mỗi một quốc gia đều phác họa hình tượng Đức Mẹ phù hợp với đặc điểm con người, màu da, mái tóc hay ngay cả cách ăn mặc cũng đi theo từng bản sắc văn hóa vùng miền. Đức Mẹ Maria đại diện cho lòng nhân hậu với ý nghĩa “Thánh thiêng” gắn liền với những câu chuyện trong Kinh Thánh, với cuộc sống trần thế của Chúa Giêsu. Hình ảnh Đức Mẹ đã đi vào tâm thức của mọi người như một biểu tượng thẩm mỹ về một người mẹ, về người phụ nữ nói chung với các phẩm chất thánh thiện, hi sinh và khiêm nhường. Vì thế, Đức Mẹ Maria đi vào trong tranh của rất nhiều danh họa nổi tiếng như một sự say mê cái đẹp nằm ẩn sâu trong cung lòng Đức Trinh Nữ.

• Tác giả Raphael (1483 - 1520) và bức tranh “Đức Mẹ Granduca”

Dẫn đầu với các bức họa về đề tài Đức Mẹ, vượt ra ngoài các không gian văn hóa và thời đại, có lẽ, chỉ có Raphael (1483 - 1520). Ông tuy cuộc đời ngắn ngủi, mất khi mới 37

tuổi, nhưng Raphael đã để lại hơn 250 tác phẩm mà hầu hết được xếp vào hàng tuyệt tác, trong đó phải kể đến bức họa **Đức Mẹ Granduca** được sáng tác năm 1504 [7].



Hình 3. Raphael (1483 - 1520),
“Đức Mẹ Granduca”, 1505

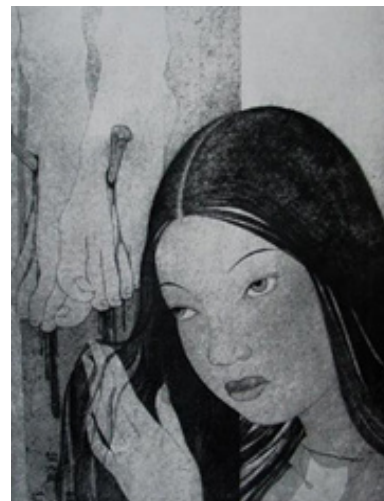
Trong bức họa này, Raphael không dựa theo bất kỳ một hình mẫu nào, tất cả đều chỉ từ trí tưởng tượng. Ông là người đưa ra lý tưởng về cái đẹp cho riêng mình và chuyển hóa điều đó vào trong tác phẩm hội họa. Tác phẩm diễn tả Đức Mẹ ẵm Chúa Giêsu Hài Đồng trên tay một cách bình dị, tình cảm vượt xa tất cả những tác phẩm vẽ về Đức Mẹ đã có trước đó. Đức Mẹ được Raphael phác họa một cách chân thực và gần gũi, như thể người đàn bà trong bức tranh là một mẫu mực, có tầm ảnh hưởng cho đến ngày nay. Trong tranh, ánh sáng tập trung rực rỡ trên làn da, đôi mắt của Đức Mẹ nặng trĩu nhìn xuống sâu thẳm, Mẹ đang buồn vì điều gì, phải chăng nỗi buồn này là sự lo lắng cho tội lỗi đang đè nặng lên nhân loại. Cảm xúc của một con người đã được Raphael biến thành một câu chuyện, nhân vật chính chìm dần vào trong nền tối khiến các lớp áo choàng

trở nên lòng lèo hời hợt cùng sự vững chãi trong cái cách mà Đức Mẹ ẵm bồng Chúa Giêsu trên tay. Thứ ánh sáng kỳ lạ tập trung trên tranh khiến con người ta xao xuyến đến lạ thường về một tình mẫu tử thiêng liêng mãi không lụi tàn.

• **Tác giả Lê Văn Đệ (1906 - 1966) và các bức tranh vẽ Đức Mẹ**

Nếu như hình ảnh của Đức Mẹ Maria trong nghệ thuật phương Tây mang truyền thống tả thực, bộc lộ nội tâm nhân vật bằng bố cục và ánh sáng chính phụ, thì Đức Mẹ ở phương Đông lại mang tính chất ước lệ bằng những nét gợi mộc mạc, bộc lộ khí chất phương Đông huyền ảo, bình dị đến lạ thường qua màu sắc và nét cọ. Ở Việt Nam có họa sĩ Lê Văn Đệ là một họa sĩ Công giáo được rửa tội tại thành Roma và lấy tên thánh là Celso-Léon. Ông là một trong những họa sĩ tài danh tốt nghiệp thủ khoa khóa đầu tiên trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương năm 1930. Bên cạnh các bức tranh lụa, tranh sơn dầu nổi tiếng, họa sĩ còn để lại không ít các tác phẩm về đề tài Kinh Thánh. Hai bức bích họa có tựa là *Thánh Mẫu nhân từ (Mater amabilis)* và *Thánh nữ Madeleine dưới chân Thánh Giá* được đưa vào lưu trữ tại bảo tàng Vatican. Đức Mẹ trong tranh Lê Văn Đệ mộc mạc đến nỗi người xem như đắm chìm vào trong nhân cách cao đẹp của người phụ nữ. Bức tranh *Thánh Nữ bồng Thánh Trẻ Hải Nhi* đã rất được lòng Đức Giáo Hoàng đến nỗi Ngài đã cho tác giả vào yết kiến và cho hôn nhẫn, vì vào thời đó được vào bệ kiến Đức Giáo Hoàng là điều không phải dễ, hành động hôn nhẫn được coi là một danh dự tối trọng.

Đức Mẹ trong tranh mang nét đẹp Á Đông không lẫn vào bất cứ một nền văn hóa nào. Ánh mắt của Mẹ cũng thật buồn đang nhìn Hải Đồng Giêsu như đang thương khóc cho số phận Hải Nhi trưởng thành sau này.



Hình 4. Lê Văn Đệ (1906 - 1966),
“Thánh Nữ Madeleine dưới chân Thánh Giá”



Hình 5. Lê Văn Đệ (1906 - 1966),
“Thánh nữ bồng Thánh trẻ Hải Nhi”

• **Tác giả Tôn Thất Văn (1939 - 2006) và bức tranh “Dưới chân Chúa”**

Một bức tranh lụa khác có tựa là *Dưới chân Chúa* (1981) của họa sĩ Tôn Thất Văn vẽ Đức Mẹ trong tà áo dài mềm mại, tay cầm một nhánh sen, đầu đội khăn tang. Phía trên đầu

Mẹ là đôi chân của đứa con mình đang bị đóng đinh vào thanh gỗ. Đôi mắt Mẹ nặng trĩu nhưng vô hồn, nỗi buồn sâu thẳm như đè nén con tim. Nhưng cái cách mà họa sĩ thể hiện không làm cho bức tranh trở nên u ám, màu sắc trong tranh đậm thẫm mà nhẹ nhàng, sắc áo Mẹ màu trắng làm toát lên bản tính, một tâm hồn trinh trong như chính Đức Chúa đã phong tặng cho Mẹ danh hiệu “đồng trinh trọn đời”.



Hình 6. Tôn Thất Văn (1939 - 2006), “Dưới chân Chúa”, 1981, tranh lụa, khổ 90 x 60 cm

Với lối đi màu nhẹ nhàng, tác giả như đem một niềm hi vọng nào đó, đây không phải là một đám tang buồn bã mà là một tương lai rạng ngời cho niềm hân hoan Đấng Cứu

Thế phục sinh. Như vậy, từ Tây sang Đông, đề tài Kinh Thánh luôn là sự lựa chọn và là nguồn cảm hứng không có điểm dừng cho các nghệ sĩ thỏa sức sáng tạo. Mặc cho mọi thăng trầm, mọi biến động của lịch sử nhưng nghệ thuật Thánh vẫn ở đó, vẫn tỏa sáng theo một cách rất riêng.

4. KẾT LUẬN

Các họa sĩ không ngần ngại đưa con người trần tục vào trong tranh đại diện cho những nhân vật Kinh Thánh, nhằm tôn vinh chủ nghĩa nhân đạo mà con người không ngừng đấu tranh vì nó. Tuy nhiên, sự quá chú tâm vào nghệ thuật, cũng như chủ trương thuần nghệ thuật đã làm cho nhiều tác phẩm mất đi ý nghĩa thiêng liêng cao cả. Người ta chỉ nghĩ đến cách kêu gọi tình cảm và làm thỏa mãn tâm hồn nghệ thuật bằng những nét tài nghệ có màu sắc trần tục. Sự nhấn mạnh nhân văn về giá trị và tầm quan trọng của cá nhân không nhất thiết là sự chối bỏ hoàn toàn tôn giáo. Qua đó, người xem chiêm ngưỡng, ngắm nhìn các giá trị Kinh Thánh bằng sự khiêm tốn, nội tâm và bằng sự mềm mại qua các tác phẩm nghệ thuật. Vì đối với con người, yếu tố thẩm mỹ chiếm ưu thế lớn nhất trong văn hóa cổ điển thay vì yếu tố siêu nhiên thần thánh. Nhưng cuối cùng, thần thoại hay tôn giáo cũng vì con người.

Tựu trung, trải qua một hành trình dài từ cổ chí kim, các nghệ sĩ đã đấu tranh để đem lại cho đời sống con người những ý nghĩa tích cực. Chủ nghĩa nhân văn tin vào những khả năng và sức mạnh của con người, con người là chủ thể

của thiên nhiên xuyên suốt lịch sử tư tưởng thẩm mỹ. Bằng chứng cho thấy các tác phẩm nghệ thuật mượn thần thoại và tôn giáo nhằm đề cao nhân tính; cái thiện, cái ác, lòng nhân hậu, khoan dung tha thứ được nhân hóa nhằm phục vụ đời sống tinh thần cho con người qua nhiều thế hệ. Con người tin rằng họ có quyền lực và tiềm năng giải quyết vấn đề của chính họ; đề cao hạnh phúc cá nhân, sự tự do, tiến bộ đều thuộc về con người. Suy cho cùng, các vị thần cũng xuất phát từ hình ảnh con người và các vị Thánh cũng là hình ảnh những con người trần tục. Chủ nghĩa nhân văn hình thành như khát vọng muốn chinh phục thế giới tự nhiên vạn vật, và con người là chủ thể duy nhất có thể thay đổi cuộc sống của chính mình. Chủ nghĩa đó vẫn còn tồn tại mãi cho đến ngày nay với mong muốn cuộc sống tiến bộ, hiện đại, ấm no, hạnh phúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lâm Vinh, *Mỹ học*. Nxb Đại học Sư phạm, TP.HCM, 1997.
- [2] Nguyễn Tri Nguyên, *Lịch sử tư tưởng thẩm mỹ*, đề cương bài giảng và tham khảo mở rộng, 2017.
- [3] Bùi Đức Sinh, *Lịch sử Giáo Hội Công Giáo*. Veritas Edition Westminster - California USA, 2009.
- [4] Nguyễn Hưng, *Nghệ thuật Công Giáo*. Nxb Đồng Nai, 2011.
- [5] Nhóm phiên dịch các giờ kinh Phụng Vụ, *Kinh Thánh*. Nxb Tôn giáo, 2013.
- [6] Nguyễn Văn Khỏa, *Thần thoại Hy Lạp*. Nxb Văn học, năm 2007.
- [7] Phạm Thị Chinh, *Lịch sử mỹ thuật Thế Giới*. Nxb Đại học Sư phạm, 2007.

THE HUMANISTIC-AESTHETIC CONCEPTION IN ART THROUGH THE BIBLE STORIES

Tran Minh Nhut

ABSTRACT

In early centuries, human beings observed things in nature as divine features. Humanism which expressed the desire to conquer the nature of people was valued more than others regarding art in general and paintings in specific. The artists borrowed stories and characters from the Bible to use as materials and inspiration for their creations. The characters which were in these

artwork came from the artists' imagination. Therefore, each of the painting which contented the scripture related these topics had its own way in expressing and describing the characters to suit with the Eastern and Western cultures.

Keywords: *aesthetics, humanism, art, mythology, religion.*

Received: 08/03/2020

Revised: 22/04/2020

Accepted for publication: 07/05/2020